TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-PT
Ngày 26/01/2026
V/v Tranh chấp về việc đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lý Thị Thúy**

Các Thẩm phán: Ông **Hoàng Văn Giang**

Ông **Hoàng Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Ánh Dương** – Kiểm sát viên

Ngày 21 và 26 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2025/DS-PT ngày 31/10/2025 về việc *"Tranh chấp về việc đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: TDP S, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đức D, sinh năm1982; Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường G, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: TDP Ấ, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đồng Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số C, ngõ B, phường V - Q, T.P H. Vắng mặt.

- Anh Đồng Minh T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: TDP Ấ, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:***

Bà Lê Thị C và bà Lê Thị H có mối quan hệ quen biết nhiều năm nay. Ngày 05/01/2012, bà C có cho bà H và ông Đồng Quang L (chồng bà H, đã chết) vay số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) với lãi suất là 1%/tháng. Thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay, vợ chồng bà H, ông L thế chấp cho bà C 01 Giấy chứng nhận QSD đất để làm tin và hứa nếu đến hạn không thanh toán được sẽ sang tên Giấy chứng nhận trên cho bà C. Thông tin cụ thể thửa đất như sau: Thửa đất số 37b, tờ bản đồ 79; Địa chỉ: xã H, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Diện tích: 100m đất ONT; Tại Giấy chứng nhận QSD số C344038 do UBND huyện P cấp ngày 26/02/2001.

Đến thời hạn thanh toán, bà H, ông L không thanh toán được nên đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà C để trừ nợ. Do bận công việc cá nhân nên đến ngày 10/8/2020 hai bên mới lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất (công chứng). Sau đó bà C đi làm thủ tục chuyển nhượng thì không thực hiện được do thửa đất trên đang có tranh chấp do bà H, ông L còn chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Nam L1, bà Nguyễn Thị C1. Vụ án hiện nay đã được Toà án 2 cấp tỉnh Thái Nguyên giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, tuyên công nhận hiệu lực Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L, bà H với ông L1, bà C1 và giao tài sản cho ông L1, bà C1 quản lý sử dụng.

Do vậy Hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/8/2020 giữa bà C và vợ chồng bà H không thực hiện được do tài sản chuyển nhượng đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của người khác.

Vì vậy bà C làm đơn khởi kiện đến tòa án yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên) giải quyết cho bà C vấn đề sau: Buộc bà Lê Thị H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đồng Quang L phải trả cho bà C số tiền là 2.560.000.000đ (Hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng) trong đó số tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 05/01/2025 là 1.560.000.000đ (Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng).

**** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn trình bày:***

Bà và bà Lê Thị C có quan hệ thực chất là chị em dâu với nhau, ngày 05/01/2012, vợ chồng bà có viết giấy biên nhận vay nợ bà C 1.000.000.000đ lãi suất 1% tháng, thời hạn vay là 1 năm và có thế chấp cho bà C 01 bìa đỏ mang tên ông Đồng Quang L, trong giấy vay có thỏa thuận nếu không trả được đến hạn thì bà C toàn quyền sang tên sử dụng định đoạt thửa đất này, thửa đất số 37b, tờ bản đồ số 79, địa chỉ: Hồ N, P, Thái Nguyên. Đến ngày 05/01/2013, vợ

chồng bà không trả được tiền cho bà C, bà C đã yêu cầu bà lập giấy chuyển nhượng để bà C sang tên trừ nợ, bà đã giao bìa đỏ cho bà Lê Thị C cả 02 giấy vay nợ và chuyển nhượng đất cho bà C, để bà C giữ bản gốc để đi thực hiện việc chuyển nhượng, và photo y bản gốc gửi bà nay bà chỉ có 02 bản ảnh photo, bà đã gửi cho Tòa án.

Đến năm 2022, bà C đi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên nhưng không thực hiện được vì vướng tranh chấp, nên bà đã lên tận nhà bà C để trả nợ. Thời điểm đó có bà C và chồng bà C lúc đó là ông Đàm Văn T2 (đã chết năm 2022), ký cam kết và viết giấy nhận tiền với nội dung bà đã thanh toán trả nợ cho bà C đầy đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận, bà C đã trả lại bìa đỏ cho bà. Bà khẳng định khoản nợ trên đã thanh toán toàn bộ cho bà C cả gốc và lãi, nay bà C khởi kiện, yêu cầu bà phải trả số tiền là 2.560.000.000đ (gồm 1.000.000.000đ tiền gốc và 1.560.000.000đ tiền lãi tính đến ngày 05/01/2025) thì bà không nhất trí. Đây là số tiền nợ của bà và chồng bà - ông Đồng Quang L (đã chết) phục vụ cho công việc riêng của ông bà, không liên quan đến các con bà là cháu T, cháu T1 nên các cháu không có trách nhiệm trả nợ số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Đồng Thị H1 trình bày: Chị là con gái của bà Lê Thị H và ông Đồng Quang L (đã chết). Về khoản vay bà Lê Thị C cho bà Lê Thị H và ông Đồng Quang L vay ngày 05/01/2012 với số tiền gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi là 1.560.000.000đ, tổng số tiền bà C kiện đòi gia đình chị phải trả là 2.560.000.000đ (Hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng) thì chị không được biết. Do đấy là khoản tiền phục vụ cho việc làm ăn của bố mẹ chị vào thời điểm đó, chị không được sử dụng khoản tiền trên. Nay bà C có đơn khởi kiện yêu cầu mẹ chị - bà H cùng hai chị em chị (em T1, chị) phải trả toàn bộ số tiền trên thì chị không đồng ý, chị được biết mẹ chị đã trả hết số tiền vay nợ cho bà C từ năm 2022, đến nay không còn liên quan gì nữa. Do chị ở xa, không thường xuyên về được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại các phiên làm việc, chị đã cung cấp lời khai đầy đủ liên quan đến vụ án. Chị cam đoan không khiếu kiện về việc Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

*Tại biên bản lấy lời khai, anh Đồng Minh T1 trình bày: Anh là con trai của bà Lê Thị H và ông Đồng Quang L (đã chết). Về khoản vay bà Lê Thị C cho bà Lê Thị H và ông Đồng Quang L vay ngày 05/01/2012 với số tiền gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi là 1.560.000.000đ, tổng số tiền bà C kiện đòi gia đình anh phải trả là 2.560.000.000đ (Hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng) thì anh không được biết. Do đấy là khoản tiền phục vụ cho việc làm ăn của bố mẹ anh vào thời điểm đó, anh không được sử dụng khoản tiền trên. Nay bà C có đơn khởi kiện yêu cầu mẹ anh - bà H cùng hai chị em anh (chị T, anh T1) phải trả toàn bộ số tiền trên thì anh không đồng ý, anh được biết mẹ anh đã trả hết số tiền vay nợ cho bà C từ năm 2022, đến nay không còn liên quan gì nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên làm việc, anh đã cung cấp lời khai đầy đủ liên quan đến vụ án. Anh cam đoan không khiếu kiện về việc Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại Bản án sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2-Thái Nguyên đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Lê Thị H không phải chịu nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025 bà Lê Thị C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên, đề nghị Tòa án hủy bản án vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

Trong vụ án, bà H và bà C có viết giấy nhận tiền. Tuy nhiên, thực tế bà H chưa giao tiền cho bà C. Trước Tòa, chính bà H cũng thừa nhận rằng giữa bà và bà C chỉ là viết giấy với nhau, nhưng chưa thực hiện việc giao nhận tiền. Theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: việc chứng minh và cung cấp chứng cứ phải khách quan, xác thực. Trong trường hợp này, chưa có chứng cứ nào chứng minh việc giao tiền đã xảy ra. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và ra bản án như vậy là thiếu cơ sở pháp lý.

Bản chất của giao dịch chưa được thực hiện, việc Tòa án sơ thẩm vẫn công nhận là đã giao dịch xong và căn cứ vào giấy viết tay để tuyên án là không đúng bản chất sự việc, không phù hợp thực tế khách quan và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà C.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Yêu cầu HĐXX hủy bản án số 17/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là chị Đồng Thị H2 là con đẻ của ông L, bà H (chị H2 đã chết năm 2016, chị H2 có 02 người con nhưng chỉ biết 01người là Lê Nhật V, sinh năm 2009); bản án sơ thẩm xác định ông Đàm Văn T2 là chồng của bà C là không đúng vì ông T2 không phải là chồng của bà C; Thực tế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H hiện nay bà C vẫn đang giữ nên không có việc bà H đã trả tiền cho bà C; anh Đồng Văn T3 bị bệnh tâm thần nên phải có người đại diện; tại phiên tòa sơ thẩm bà H thừa nhận giữa hai bà chưa giao nhận tiền và ông T2 chỉ ký hộ, ông T2 không chứng kiến việc hai bên ký giấy nhận tiền.

Bị đơn có ý kiến: Ông T2 là người chứng kiến việc ký giấy nhận tiền giữa bà với bà C. Việc xác định ông T2 là chồng của bà C là do Tòa án chứ không phải bà. Chị Đồng Thị H2 là con của bà đã chết năm 2016 và việc vay nợ này là việc của bà và chồng bà không liên quan đến các con của bà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà C giữ là do giữa bà với bà C còn có những vụ việc khác không liên quan đến vụ án này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1]. Xét kháng cáo của các đương sự: làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về việc vắng mặt của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần và xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[II]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

Ngày 05/01/2012, bà Lê Thị C cho bà Lê Thị H và chồng là ông Đồng Quang L vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn 12 tháng.Vợ chồng bà H thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 37b, tờ bản đồ 79, xã H, P, Thái Nguyên.

Đối với Giấy vay nợ đề ngày 05/01/2012, quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc cho nhau vay tiền, số tiền trong giấy vay nợ phù hợp với số tiền hai bên đương sự khai trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó xác định đây là tình tiết sự kiện rõ ràng không phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS.

Đến hạn, vợ chồng bà H không trả được nên lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trừ nợ. Tuy nhiên, thửa đất đang có tranh chấp và Tòa án tuyên thuộc quyền sử dụng của người thứ ba (ông L1, bà C1), nên bà C không thực hiện được việc sang tên.

Bị đơn bà H trình bày: Năm 2022 do vướng tranh chấp nên bà C không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được nên bà đã đến nhà bà C trả nợ, bà đã trả đầy đủ cả gốc và lãi cho bà C; bà C đã lập giấy nhận tiền và trả lại sổ đỏ. Bà

H cung cấp giấy nhận tiền đề ngày 20/4/2022 có đầy đủ chữ viết chữ ký của bà C.

Tại Kết luận giám định số 70/KL-KTHS Phòng K Công an tỉnh T xác định chữ ký *"Chinh", "Lê Thị C"* trên giấy nhận tiền ngày 20/4/2022 do chính bà C ký.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C cho rằng bà H và bà C có viết giấy nhận tiền tuy nhiên, thực tế bà H chưa giao tiền cho bà C. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không thừa nhận sự việc này và bà H khẳng định ngoài khoản vay này thì bà không vay bà C khoản nào khác.

Tại giai đoạn phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các tài liệu: 01 giấy chuyển nhượng ngày 5/1/2013; 01 bản sao hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/8/2020 giữa ông Đồng Văn L2, bà Lê Thị H với bà Lê Thị C; 01 bản sao sổ hộ khẩu gia đình ông Đồng Quang L; 01 đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của bà Lê Thị H; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đồng Quang L; 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Nguyễn Hữu Đ, Lê Thị T4, Phan Quang H3 với bà Lê Thị C (bản phô tô). HĐXX xét thấy các tài liệu này không chứng minh được việc bà H chưa thanh toán khoản nợ cho bà C theo yêu cầu khởi kiện của bà C và cũng không chứng minh được giấy nhận tiền ngày 20/4/2022 là nhận tiền của khoản vay khác.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định khoản vay giữa bà H bà C đã được thanh toán, nghĩa vụ của bên vay đã được thực hiện xong.

Đối với việc người đưa thiếu người tham gia tố tụng là chị Đồng Thị H2 HĐXX xét thấy chị H2 đã chết năm 2016 (trước khi ông Đồng Quang L chết và trước thời điểm bà C khởi kiện) do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với việc anh Đồng Minh T1 bị bệnh tâm thần: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh và việc Tòa án sơ thẩm không xác định người đại diện của anh T1 cũng không làm thay đổi bản chất vụ án.

Đối với việc bản án sơ thẩm xác định ông Đàm Văn T2 là chồng của bà C là không đúng và ông T2 không chứng kiến hai bà giao nhận tiền, ông T2 chỉ ký hộ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định ông T2 không phải chồng chính thức của bà C và việc này cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án. Người đại diện của nguyên đơn không có tài liệu chứng minh việc ông T2 chỉ ký hộ và bà H cũng không thừa nhận sự việc này nên không có căn cứ xác định ông T2 ký hộ như người đại diện của nguyên đơn trình bày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc kháng cáo là có căn cứ do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

Tuy nhiên, trong vụ án này Tòa án sơ thẩm xác định tư cách bị đơn là ông Đồng Quang L (đã chết 2021) và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L là chị Đồng Thị T và anh Đồng Minh T1 (con ông L) là không đúng. Theo quy định tại Điều 74/BLTTDS thì trường hợp cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng. Trong vụ án này ông L đã chết từ năm 2021 trước thời điểm khởi kiện nên không phát sinh nghĩa vụ kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên xét thấy về việc vi phạm trên của Tòa án sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự cũng như không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do vậy, HĐXX xác định lại tư cách đương sự và Tòa án sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 23/9/2025 thể hiện: tại phần tranh luận, sau khi Kiểm sát viên phát biểu, đương sự (đại diện nguyên đơn) tranh luận và đối đáp với Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm, là trái với quy định của BLTTDS năm 2015, Tòa án sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[III]. Về án phí:

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn là người cao tuổi nên HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2025/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND khu vực 2 – Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 2 – Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thúy